

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ KON BRAIH NĂM 2025**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2025 của UBND xã Kon Braih)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu	Kinh phí điều chỉnh tăng	Dự toán sau khi điều chỉnh
A	B	1	2	3
A	Thu NSNN trên địa bàn tính cân đối	34.065		34.065
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	34.065		34.065
1	Thu từ khu vực DNNN trung ương quản lý	350		350
-	Thuế giá trị gia tăng	350		350
2	Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	1.050		1.050
-	Thuế giá trị gia tăng	100		100
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	950		950
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	-		-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	27.725		27.725
-	Thuế giá trị gia tăng	23.250		23.250
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.010		1.010
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	15		15
-	Thuế tài nguyên	3.450		3.450
5	Lệ phí trước bạ	1.650		1.650
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-		-
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35		35
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.025		1.025
9	Thu phí và lệ phí	732		732
a	Phí, lệ phí trung ương	67		67
b	Phí, lệ phí địa phương	665		665
10	Thu tiền sử dụng đất	200		200
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	318		318
12	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản	700		700
13	Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước	-		-
14	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-		-
15	Thu khác	280		280
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH	97.247	860	98.107
I	Các khoản thu cân đối ngân sách	93.222	415	93.637
1	Thu diết tiết NS xã hưởng theo phân cấp	210		210
2	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	93.012	415	93.427
II	Thu bổ sung mục tiêu	4.025	445	4.470
1	Vốn đầu tư	1.890	-	1.890

STT	Nội dung	Dự toán thu	Kinh phí điều chỉnh tăng	Dự toán sau khi điều chỉnh
A	B	1	2	3
1.1	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chỉ thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	320		320
1.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	1.570		1.570
2	Vốn sự nghiệp	2.134	445	2.580
2.1	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	262		
2.2	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	6		
2.3	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	478		
2.4	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	1.036		
2.5	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	29		
2.6	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	323		
2.7	Kinh phí sửa chữa nhà rông và nạo vét kênh mương trên địa bàn xã Đăk Tơ Re (cũ)		98	
2.8	Kinh phí làm mới hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các tuyến đường nội thôn trên địa bàn xã Đăk Tơ Re		97	
2.9	Kinh phí tổ chức ĐH đại biểu Đảng bộ xã Đăk Tơ Re khoá II, nhiệm kỳ 2025-2030 (cũ)		250	

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON BRAIH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2025 của UBND xã Kon Braih)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND			Số điều chỉnh			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh		
		Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2025		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
	Tổng chi ngân sách cấp xã	97.247	11.288	85.959	860	541	319	98.107	11.829	86.278
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	93.222	10.772	82.451	415	97	318	93.637	10.868	82.769
1	Chi đầu tư phát triển (**)	20	-	20	-	-	-	20	-	20
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20	-	20	-	-	-	20	-	20
2	Chi thường xuyên	91.084	10.704	80.380	415	97	318	91.499	10.800	80.699
	Trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	52.457	57	52.400	32	-	32	52.489	57	52.432
b	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự phòng ngân sách	2.118	68	2.050	-	-	-	2.118	68	2.050
II	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.025	517	3.508	445	444	1	4.470	961	3.509
1	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	3.673	517	3.156	-	(1)	1	3.673	516	3.157
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.890	-	1.890	-	-	-	1.890	-	1.890
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	320	-	320	-	-	-	320	-	320
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	1.570	-	1.570	-	-	-	1.570	-	1.570
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	1.783	517	1.266	-	(1)	1	1.783	516	1.267
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	262	93	170	-	-	-	262	93	170
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	6	2	4	-	(1)	1	6	1	5
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	478	-	478	-	-	-	478	-	478
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	1.037	422	615	-	-	-	1.037	422	615
-	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Ất Ty năm 2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	352	-	352	445	445	-	797	445	352
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	29	-	29	-	-	-	29	-	29
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	323	-	323	-	-	-	323	-	323
-	Kinh phí sửa chữa nhà rông và nạo vét kênh mương trên địa bàn xã Đăk Tơ Re (cũ)				98	98		98	98	-
-	Kinh phí làm mới hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các tuyến đường nội thôn trên địa bàn xã Đăk Tơ Re				97	97		97	97	-
-	Kinh phí tổ chức ĐH đại biểu Đảng bộ xã Đăk Tơ Re khóa II, nhiệm kỳ 2025-2030 (cũ)			-	250	250	-	250	250	-